

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 292/2022/DS-PT
Ngày 29-11-2022
V/v “tranh chấp vay tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị An Tiên.

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thanh Minh Châu;
Ông Hà Chí Quốc.

- Thư ký phiên tòa: bà Lê Thị Bích – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Mộng Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 257/2022/TLPT-DS ngày 06 tháng 9 năm 2022, về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án Dân sự sơ thẩm số 67/2022/DS-ST ngày 29 tháng 7 năm 2022, của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 217/2022/QĐPT-DS ngày 08 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Võ Thị Thu T1, sinh năm 1972; nơi cư trú: khu phố L, phường L1, thị xã H, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: bà Đỗ Thị M, sinh năm 1962, nơi cư trú: ấp 4, xã S, huyện T, tỉnh Tây Ninh; là người đại diện theo ủy quyền (Theo văn bản ủy quyền lập ngày 01/3/2022); có mặt;

2. Bị đơn: anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1972; chị Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1979; cùng nơi cư trú: tổ 11, ấp 3, xã N, huyện T, tỉnh Tây Ninh; anh T có mặt; chị H vắng mặt.

3. Người kháng cáo: anh Nguyễn Văn T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 10/12/2019 của nguyên đơn và trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện hợp pháp của nguyên đơn, bà Đỗ Thị M trình bày:

Do quen biết nên ngày 08/12/2020 chị T1 có cho anh T vay 400.000.000 đồng, có làm giấy nhận nợ. Anh T hẹn trả nợ kể từ ngày 18/12/2020 đến tháng 8/2022 sẽ hoàn trả xong cho chị T1 400.000.000 đồng với hình thức cứ mỗi 06 tháng kể từ ngày 18/12/2020 sẽ hoàn trả cho chị T1 100.000.000 đồng. Khi vay, có nói lãi suất tính 2%/tháng. Nhưng kể từ ngày vay đến nay, anh T chỉ trả cho chị T1 được 93.500.000 đồng tiền gốc, còn nợ lại 306.500.000 đồng tiền gốc và tiền lãi.

Anh T là người trực tiếp đi vay tiền và nhận tiền; khi trả tiền thì anh T trả, có lần thì chị H trả, việc trả tiền các bên cũng không lập biên nhận. Nay chị T1 khởi kiện yêu cầu anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị Thu H trả 306.500.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 08/12/2020 với lãi suất 0.83%/tháng.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn – anh Nguyễn Văn T trình bày:

Từ năm 2013, do cần vốn làm xưởng mộc nên anh có vay tiền của chị T1 nhiều lần, mỗi lần vay từ 20.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng, lãi suất 8%/tháng. Đến ngày 08/12/2020, các bên chốt nợ, anh nợ chị T1 tổng cộng là 400.000.000 đồng và cam kết cứ sau 06 tháng bắt đầu từ tháng 01/2021 anh sẽ trả cho chị T1 100.000.000 đồng cho đến khi hết nợ. Việc trả tiền lãi được anh thực hiện từ ngày vay tiền đến ngày chốt nợ 400.000.000 đồng. Anh trực tiếp trả tiền lãi cho chị T1 nhưng không có lập biên nhận khi giao tiền.

Kể từ ngày 08/12/2020 đến ngày 15/11/2021, anh trả cho chị T1 được 93.500.000 đồng, còn nợ lại 306.500.000 đồng. Nay anh đồng ý trả cho chị T1 306.500.000 đồng tiền nợ gốc; riêng tiền lãi thì ông chỉ hoàn trả tiền lãi tính từ ngày Tòa án thụ lý vụ án (02/3/2022) với lãi suất 0,83%/tháng.

Anh và chị Nguyễn Thị Thu H là vợ chồng nhưng tiền anh vay chị T1 là nợ riêng của anh nên anh không đồng ý việc chị T1 yêu cầu chị Nguyễn Thị Thu H có nghĩa vụ cùng ông hoàn trả số tiền còn nợ, vì chị H không có liên quan và cũng không có sử dụng số tiền này.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn – chị Nguyễn Thị Thu H trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn T là vợ chồng, chung sống vợ chồng có đăng ký kết hôn từ năm 2001 và đang chung sống tại ấp 3, xã N, huyện T, tỉnh Tây Ninh. Đối với yêu cầu khởi kiện của chị T1 đối với chị và anh T thì chị không đồng ý cùng anh T hoàn trả cho chị T1 số tiền 306.500.000 đồng cùng tiền lãi do bà không có vay tiền của chị T1, không sử dụng số tiền anh T vay của chị T1. Ngoài ra chị không có ý kiến hay yêu cầu nào khác.

Tại Bản án Dân sự sơ thẩm 67/2022/DS-ST ngày 29 tháng 7 năm 2022, của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Tây Ninh đã quyết định:

Căn cứ vào các Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015, Điều 27, 37 Luật Hôn nhân và gia đình, Điều 146, 147, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí và lệ phí Tòa án:

Buộc anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị Thu H có nghĩa vụ liên đới hoàn trả cho chị Võ Thị Thu T1 306.500.000 đồng tiền gốc và 50.115.500 đồng tiền lãi. Tổng cộng là 356.615.500 đồng

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, nghĩa vụ chậm thi hành và quyền kháng cáo của các đương sự.

* **Nội dung kháng cáo:** anh T kháng cáo không chấp nhận trả tiền lãi, đồng thời yêu cầu một mình anh trả nợ cho chị T1.

Ý kiến Kiểm sát viên:

- *Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa:* Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều đảm bảo đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa phúc thẩm dân sự.

- *Về việc tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng:* đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, chấp hành tốt Nội quy phiên tòa.

- *Về nội dung:* đề nghị chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn. Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, sửa nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: chị Nguyễn Thị Thu H là bị đơn, được Tòa án triệu tập họp lệ hai lần nhưng vẫn vắng mặt. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị H theo quy định tại Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Nội dung Giấy biên nhận ngày 08-12-2020 do anh Nguyễn Văn T viết có xác nhận của chị Võ Thị Thu T1. Nội dung giấy vay tiền thể hiện, ngày 08-12-2020, anh T có vay của chị T1 400.000.000 đồng, hứa trả trong hai năm kể từ năm 2021, trả 06 tháng 01 lần 100.000.000 đồng. Như vậy, nội dung thỏa thuận của các bên không thể hiện về tính lãi, do đó, Tòa án cấp sơ thẩm tính lãi kể từ ngày vay tiền 08/12/2020 là không đúng. Tuy nhiên, căn cứ nội dung thỏa thuận giữa các bên có cơ sở xác định, các bên có thỏa thuận thời hạn vay, không có lãi. Do đó, tiền lãi được tính trong trường hợp này là lãi chậm trả theo quy định tại khoản 4 Điều 466 Bộ luật dân sự, sau 06 tháng, nếu anh T, chị H không trả đủ 100.000.000 đồng thì chịu tiền lãi chậm trả với mức lãi suất là 0,83%/tháng. Tiền lãi được tính lại như sau:

- 06 tháng đầu từ ngày 08-12-2021 đến ngày 08-6-2022: trả 93.500.000 đồng trong 06 tháng đầu năm 2021, đúng hạn nên không tính tiền lãi.

- Trong hạn 06 tháng tính từ ngày 09/6/2021 đến 08/12/2021: anh T phải trả 100.000.000 đồng tiếp theo nhưng không trả nên chịu lãi chậm trả từ ngày 09/12/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 29-7-2022) là 07 tháng 20 ngày: 106.500.000 đồng x 0,83%/tháng x 07 tháng 20 ngày = 6.777.000 đồng;

- Trong hạn 06 tháng tính từ ngày 08/12/2021 đến ngày 08/6/2022: anh T phải trả 100.000.000 đồng tiếp theo nhưng không trả nên chịu lãi chậm trả từ ngày 09/7/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 29-7-2022) là 20 ngày: $100.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\%/\text{tháng} \times 20 \text{ ngày} = 553.000 \text{ đồng}$;

Còn 100.000.000 đồng còn lại hết hạn vào ngày 08/12/2022, như vậy đến nay chưa đến hạn nên không tính lãi.

[3] Tại phiên tòa, anh T trình bày, thu nhập kinh tế gia đình anh từ công việc làm mộc của anh và lương công nhân của chị H; anh vay tiền của chị T1 để trang trả cho xưởng mộc. Như vậy, việc anh T vay tiền của chị T1 để phục vụ cho nhu cầu kinh tế gia đình anh và chị H. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm buộc chị H cùng anh có nghĩa vụ trả nợ cho chị T1 là đúng pháp luật.

Kháng cáo của anh T được chấp nhận một phần; sửa bản án sơ thẩm.

[4] Về án phí sơ thẩm: quá trình thu thập chứng cứ tại Tòa án cấp sơ thẩm, phía chị T1 yêu cầu tính án phí từ ngày 08-12-2020 đến ngày xét xử sơ thẩm với mức lãi suất 0,83%/tháng với số tiền là 50.115.500 đồng, nhưng Tòa án chỉ chấp nhận 7.330.000 đồng. Do đó, chị T1 phải chịu án phí đối với phần yêu cầu không được chấp nhận là 42.785.500 đồng tiền lãi.

[5] Về án phí phúc thẩm: anh T không phải chịu án phí phúc thẩm do kháng cáo được chấp nhận một phần theo quy định tại Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; chấp nhận một phần kháng cáo của anh Nguyễn Văn T; sửa Bản án Dân sự sơ thẩm số 67/2022/DS-ST ngày 29 tháng 7 năm 2022, của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Tây Ninh.

Căn cứ vào các Điều 463, 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự; Điều 27, Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 26, Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Võ Thị Thu T1 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản đối với anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị Thu H:

Buộc anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị Thu H có nghĩa vụ liên đới trả cho chị Võ Thị Thu T1 306.500.000 đồng tiền nợ gốc và 7.330.000 đồng tiền lãi. Tổng cộng là 313.830.000 đồng (ba trăm mười ba triệu tám trăm ba mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày 30/7/2022 cho đến khi thi hành án xong, anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị Thu H còn phải trả cho chị Võ Thị Thu T1 khoản tiền lãi của số tiền 356.615.500 đồng phải thi hành án với mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

Anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị Thu H phải chịu 15.619.000 đồng (mười lăm triệu sáu trăm mười chín nghìn).

Chị T1 phải chịu 2.119.000 đồng. Khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chi T1 đã nộp 19.631.000 đồng (mười chín triệu sáu trăm ba mươi một nghìn đồng), theo Biên lai thu số 0007119 ngày 02 tháng 3 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Tây Ninh; còn hoàn lại cho chị T1 17.512.000 (mười bảy triệu năm trăm mười hai nghìn) đồng.

3. Án phí dân sự phúc thẩm: hoàn trả cho anh Nguyễn Văn T 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu số 0007535, ngày 24-8-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- TAND huyện ;
- CCTHADS huyện;
- Các đương sự;
- Lưu Tòa DS;
- Lưu hồ sơ.

(đã ký)

Nguyễn Thị An Tiên